

# MS. CHI ENGLISH

Name: \_\_\_\_\_

Date: .../.../2022

Class: GOLD A2+

Tel: 038 255 2594

## GOLD EXPERIENCE A2+: UNIT 6 - THE GREAT OUTDOOR

### VOCABULARY 1

#### A. NEW LESSON:

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1*	<b>danger of N</b> /'deɪndʒər/	nguy cơ, mối đe dọa của thứ gì đó	17	<b>railway</b> (n) /'reɪlweɪ/	đường sắt
2	<b>pollution</b> (n) /pə'lu:ʃn/	sự ô nhiễm	18	<b>attract</b> (v) /ə'trækt/	thu hút, lôi cuốn
3	<b>relative</b> (n) /'relətɪv/	họ hàng	19	<b>peaceful</b> (adj) /'pi:sfl/	hoà bình, yên bình
4	<b>local</b> (adj) /'ləʊkl/	(thuộc) địa phương	20*	<b>solve (the problem)</b> (v)	giải quyết (vấn đề)
5*	<b>nearby</b> (adv) /nɪər'baɪ/	gần đây	21	<b>mainly</b> (adv) /'meɪnlɪ/	chủ yếu, phần lớn
6	<b>look after</b> (phr.v)	chăm sóc	22	<b>leave rubbish</b> (v) /'rʌbɪʃ/	xả/vứt rác
7*	<b>natural</b> (adj) /'nætʃrəl/	(thuộc) tự nhiên	23*	<b>particular</b> (adj) /pər'tɪkjələr/	cụ thể
8	<b>cause</b> (v) /kɔ:z/	gây ra, gây nên	24*	<b>towards</b> (prep) /tə:rdz/	hướng về
9	<b>express</b> (v) /ɪk'spres/	bày tỏ, biểu lộ	25	<b>feed</b> (v) /fi:d/	cho ăn, nuôi
10*	<b>direct</b> (adj) /daɪ'rekt/	trực tiếp	26	<b>pick up</b> (phr.v)	nhặt lên
11	<b>directly</b> (adv)	một cách trực tiếp	27	<b>in fact</b>	thực tế
12	<b>take turns (to do something)</b>	thay phiên nhau (để làm một cái gì đó)	28	<b>keep your distance (from somebody/something)</b>	giữ khoảng cách của bạn (với ai đó/cái gì đó)
13*	<b>skateboard</b> (n) /'skeɪtbɔ:rd/	ván trượt	29	<b>statement</b> (n) /'steɪtmənt/	sự trình bày (một quan điểm, vấn đề)
14*	<b>empty</b> (adj) /'empti/	trống, rỗng	30	<b>general</b> (adj) /'dʒenrəl/	chung
15	<b>flood</b> (v) /flʌd/	tràn đầy, tràn ngập	31*	<b>plant</b> (v) /plænt/	trồng, gieo
16	<b>social</b> (adj) /'səʊʃl/	có tính xã hội			

\* Note: *n* = noun: *Danh từ*; *adj* = adjective: *Tính từ*; *v* = verb: *Động từ*  
*phr.v* = phrasal verb: *Cụm động từ*; *adv* = adverb: *Trạng từ*; *prep* = preposition: *Giới từ*

\* **Những từ có ký hiệu \*** thì có hai cách đọc.

\* **Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

## B. HOMEWORK:

**I. Read the descriptions of the following words. Then write the complete words (the first letter is already there) (Đọc mô tả của các từ sau đây. Sau đó viết thành từ hoàn chỉnh (chữ cái đầu tiên đã được cho sẵn)):**

**0. The sound you make by playing instruments or singing.**

**Music**

1. A person who is in the same family as somebody else.
2. Existing in nature; not made or caused by humans.
3. Something that you say or write that gives information or an opinion.
4. Relating to activities in which you meet and spend time with other people and that happen during the time when you are not working.
5. More than anything else; also used to talk about the most important reason for something.

R \_\_\_\_\_

N \_\_\_\_\_

S \_\_\_\_\_

S \_\_\_\_\_

M \_\_\_\_\_

**II. Complete these sentences with “too” or “enough” (Hoàn thành những câu sau với “too” hoặc “enough”):**

**0. I can't carry this suitcase. It's too heavy.**

1. Is your meal warm \_\_\_\_\_? If not, I'll put it in the microwave.
2. Mom was \_\_\_\_\_ worried to go to sleep, so she stayed up all night.
3. I don't like this fizzy drink. It's much \_\_\_\_\_ sweet.
4. He can't be a good basketball player. He isn't tall \_\_\_\_\_.
5. I couldn't see her anywhere because it was getting \_\_\_\_\_ foggy.

**III. Fill in the blanks with the words from the box (Điền vào chỗ trống với những từ trong bảng):**

<b>interested in</b>	<b>empty</b>	<b>distance</b>	<b>look after</b>	<b>towards</b>	<b>peaceful</b>
----------------------	--------------	-----------------	-------------------	----------------	-----------------

**0. He did not seem very interested in what I was saying.**

1. They took turns to \_\_\_\_\_ the baby.

2. Sunday morning is a very \_\_\_\_\_ time.

3. The house had been left \_\_\_\_\_ for several weeks.

4. When John looked \_\_\_\_\_ me, I smiled and waved.

5. I have tried being friendly but she keeps her \_\_\_\_\_ from me.

**IV. Look at the table about telescopes and choose the correct answers** (Dựa vào bảng thông tin về kính thiên văn và chọn câu trả lời đúng):

	Celestar	Astro Seeker	Sky Searcher
What can you see with it?	The moon, lots of planets and some galaxies	Animals, birds, the moon and some planets	The moon, the planets and thousands of stars
Length	88cm	100cm	88 cm
Weight	2.5 kg	9 kg	13 kg
Price	£156	£65	£224 (usual price) £170 (sale price)
Price	Good for beginners	Good for first time telescope users	An excellent telescope for people with more experience

0. The Celestar **(is) / isn't** as long as the Sky Searcher.
1. The Astro Seeker is **as good as / better than** the Celestar for beginners.
2. At the moment, the Sky Searcher is **cheaper than usual/ the cheapest telescope**.
3. The Sky Searcher is **the most expensive / longest** telescope.
4. The Celestar **is heavier / isn't as heavy as** the Astro Seeker.
5. The **heaviest / shortest** telescope is the Sky Searcher.
6. The Celestar is **the most powerful telescope / more powerful than the Astro Seeker**.

### Questions 19–24

For each question, choose the correct answer.

#### The festival of light

Diwali is an (19) ..... Indian festival. It takes place every year in October or November during the autumn, and it lasts for five days. The word 'Diwali' (20) ..... from Sanskrit, an ancient Indian language, and it (21) ..... 'row of lights'. During the festival, people clean their homes, decorate them with lights and oil lamps, and enjoy (22) ..... time with friends and family. They give each other gifts and sweets, eat delicious food, (23) ..... fireworks and wear new clothes. Many people in the UK also celebrate Diwali. In the city of Leicester, thousands of people go out into the (24) ..... to enjoy light shows, music and dancing.

19	A excellent	B interested	C important
20	A comes	B goes	C looks
21	A seems	B means	C looks
22	A making	B spending	C doing
23	A listen	B look	C watch
24	A streets	B areas	C paths